

KHU ỦY TÂY NAM BỘ CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MẬU THÂN 1968

TS NGUYỄN THỊ BÍCH THÚY

Học viện Chính trị khu vực IV

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, tháng 3-1962, Trung ương Cục Miền Nam quyết định chuyển Liên tỉnh ủy miền Tây thành Khu ủy Tây Nam Bộ hay còn gọi là Khu ủy miền Tây (T.3) hay Khu ủy Khu 9. Sau khi được thành lập, Khu ủy đã lãnh đạo quân dân miền Tây kháng chiến, góp phần làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) và chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Phát huy những thắng lợi đã đạt được, trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Khu ủy Tây Nam Bộ tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của mình, chủ động, sáng tạo đưa ra chủ trương, kế hoạch tác chiến.

1. Chủ trương của Khu ủy Tây Nam Bộ bước đầu đối phó với chiến lược “chiến tranh cục bộ”

Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ tiếp tục leo thang chiến tranh, chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” với quy mô và mức độ tham chiến ngày càng sâu rộng. Khi quân Mỹ tràn vào miền Nam Việt Nam theo âm mưu “Mỹ hóa” cuộc chiến, đã có nhiều thay đổi trong cách đánh của chúng. Quân Mỹ chủ yếu dùng vũ khí mà không dùng sức người, áp dụng lối đánh từ xa, đánh từ trên cao là chính. Mặt khác, tuy giao cho quân Sài Gòn làm công việc bình định, nhưng Mỹ tăng cường rất nhiều cố vấn, chuyên viên Mỹ

và các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại. Mỹ xây dựng căn cứ Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ ở Đồng Tâm (Tiền Giang) vào tháng 5-1965, để khi cần, đưa quân chiến đấu Mỹ đến can thiệp kịp thời. Mỹ cũng tăng cường xây dựng các sân bay ở Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Long, xây dựng căn cứ hải quân ở Bình Thủy (Cần Thơ), An Thới (Phước Quốc), Năm Căn (Cà Mau); đồng thời, phái 2 liên đoàn đặc nhiệm (số 1153, 1154), kết hợp với Hải quân vùng 4 chiến thuật đẩy mạnh các hoạt động trên sông và trên biển; rải chất độc hóa học ở chiến trường miền Tây. Theo quy định của chính quyền Sài Gòn, đến lúc này miền Tây Nam Bộ vẫn nằm trong vùng 4 chiến thuật với sự hiện diện của 3 Sư đoàn chủ lực: Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 và Sư đoàn 21. Kết hợp với quân Mỹ, quân đội Sài Gòn mở nhiều cuộc càn nhỏ các vùng ven, vùng tranh chấp theo phương châm đốt hết, phá hết, đổ hết gạo xuống kinh rạch để “triệt đường tiếp tế cho Việt cộng”. Đối phương còn đẩy mạnh chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, kêu gọi chiêu hồi, chiêu hàng, mua chuộc.

Đối phó với tình hình mới, thi hành Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng và Trung ương Cục, Khu ủy Tây Nam Bộ có nhiều cuộc họp để đánh giá tình hình và đề ra những chủ trương phù hợp với thực tế chiến trường. Khu ủy xác định rõ: Mỹ nhảy vào cuộc chiến càng làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và Mỹ thêm sâu sắc. Đồng thời, mâu thuẫn trong nội bộ Mỹ - quân Sài Gòn, giữa Mỹ, lính đồng minh

và binh lính, chính quyền Sài Gòn càng tăng mạnh. Đó là chỗ yếu cơ bản về chính trị của đối phương. Lực lượng cách mạng cần khai thác đúng mức chỗ yếu đó, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ đối phương để tiến công cả về quân sự, chính trị, binh vận.

Khu ủy cũng chủ trương đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giữ vững và tăng cường sức chiến đấu của tất cả các lực lượng vũ trang, chính trị. Lãnh đạo phát động ở khắp mọi nơi phong trào “*Tìm Mỹ mà đánh, tìm quân Sài Gòn mà diệt*”. Khu ủy chỉ đạo sâu sát những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống và chiến đấu, kiên quyết thực hiện phong trào “3 bám”: Dân bám đất, Đảng bám dân, bám đánh địch bằng 3 mũi giáp công (vũ trang, chính trị, binh vận).

2. Khu ủy phát huy vai trò lãnh đạo, chủ động, sáng tạo chỉ đạo quân và dân Tây Nam Bộ chiến đấu anh dũng, kiên cường trong Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968

Sau hơn hai năm đương đầu với chiến lược “chiến tranh cục bộ” của địch, quân dân miền Nam đã phát huy mạnh mẽ chiến lược tiến công, từng bước bẻ gãy hai gọng kềm “tìm diệt” và “bình định” của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Để tạo sự chuyển biến chiến lược có lợi cho ta, tháng 12-1967, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp nhận định: Lực lượng kháng chiến đang đứng trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn. Bộ Chính trị quyết định chuyển cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới: “nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta trong thời kỳ mới là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, tinh thần của Nghị quyết này đã đến Trung ương Cục từ tháng 10-1967. Vì thế, Trung ương Cục miền Nam đã ra Nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa, gọi là Nghị quyết “*Quang Trung*”. Đầu tháng 11-1967, đồng chí Phan Văn Đáng, Phó Bí thư Trung ương Cục xuống miền Tây phổ biến

tinh thần Nghị quyết của Trung ương Đảng, Trung ương Cục cho Khu ủy Tây Nam Bộ và ở lại trực tiếp chỉ đạo cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở miền Tây.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Tây Nam Bộ đã vận dụng sáng tạo đường lối chiến lược của Trung ương vào thực tiễn địa phương, phát huy tối đa sức mạnh toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, binh vận... nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp, giành thắng lợi trong Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968. Sự chủ động, sáng tạo của Khu ủy Tây Nam Bộ được thể hiện:

Thứ nhất, tăng cường cán bộ lãnh đạo chiến đấu, xây dựng kế hoạch, mục tiêu, phương hướng tiến công và nổi dậy phù hợp với tình hình chiến trường

Tháng 11-1967, Khu ủy đã sớm tổ chức hội nghị để nghe truyền đạt phương hướng tiến công sắp tới của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, đồng thời kiểm điểm tình hình và hạ quyết tâm giải phóng miền Tây. Khu ủy khẳng định lấy thị xã Cần Thơ làm trọng điểm 1, thị xã Vĩnh Long làm trọng điểm 2, thành lập hai Ban chỉ đạo và Ban chỉ huy cho hai trọng điểm.

Theo diễn biến của chiến trường, với yêu cầu cần có sự lãnh đạo sát sao hơn nữa cho tổng tiến công và nổi dậy ở miền Tây, cán bộ lãnh đạo Khu ủy tiếp tục được tăng cường nhằm đáp ứng nhiệm vụ cách mạng mới: đồng chí Vũ Đình Liệu, Ủy viên Ban thường vụ Khu ủy được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ; Trần Văn Long, Ủy viên Ban thường vụ Khu ủy, Phó Chính ủy Quân khu; Phan Ngọc Sến, Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy được phân công lại làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ, Bí thư Quận ủy Châu Thành; Nguyễn Việt Châu, Khu ủy viên, Bí thư Thành ủy Cần Thơ; Dương Cự Tầm, Khu ủy viên, Phó Chính ủy Quân khu; Nguyễn Hữu Sanh, Khu ủy viên, Trưởng Ban Binh vận Khu; Phạm Ngọc Hưng, Phó Tư lệnh Quân khu; Nguyễn Văn Cúc, Phó An ninh Khu, cùng nhiều cán bộ Quân, Dân, Chính, Đảng xuống Cần Thơ trực tiếp chỉ đạo.

Các đồng chí La Lâm Gia, Ủy viên Ban thường vụ Khu ủy; Nguyễn Hoài Pho, Khu ủy viên, Phó Tư lệnh Quân khu; Phạm Văn Kiệt,

Khu ủy viên, Phó Ban Tuyên huấn Khu cùng một số cán bộ quân sự được phân công đi chỉ đạo hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh.

Phan Văn Đáng, Phó Bí thư Trung ương Cục; Nguyễn Thành Thơ, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy; Đồng Văn Cống, Ủy viên Ban thường vụ Khu ủy, Tư lệnh Quân khu điều hành công việc chung của Khu ủy và Quân khu.

Khu ủy lãnh đạo tập trung sức cho các trọng điểm. Tỉnh nào có một thị xã thì có một trọng điểm. Tỉnh nào có hai thị xã thì có trọng điểm một và hai. Tỉnh tập trung lực lượng cho trọng điểm một, còn trọng điểm hai do lực lượng các huyện chung quanh đảm nhiệm. Khu ủy thành lập Ban Chỉ đạo khởi nghĩa gồm các đồng chí: Vũ Đình Liệu, Trưởng ban; Mười Kỷ, Sáu Tâm, Mười Thiện, Năm Cốc, Ba Bài, Mười Quang và Ban Chỉ huy quân sự gồm các đồng chí: Trần Văn Long, Phó Chính ủy Quân khu kiêm Chính ủy Ban Chỉ huy quân sự; Lữ đoàn trưởng kiêm Chỉ huy trưởng là Chín Hiền của trọng điểm một (Thành phố Cần Thơ)⁽²⁾.

Tại trọng điểm hai (thị xã Vĩnh Long), Ban Chỉ đạo trọng điểm gồm: La Lâm Gia (Bảy Máy), Ủy viên Thường vụ Khu ủy làm Chính ủy; Nguyễn Hoài Pho, Phó Tư lệnh Quân khu là Chỉ huy trưởng; Chỉ huy Phó quân sự là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 306 Nguyễn Đệ (tức Ba Trung) và Phó Chính ủy là Trưởng Ban Tổ chức Phòng Chính trị Quân khu, Ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long. Mục tiêu là đánh chiếm thị xã Vĩnh Long.

Công tác chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong toàn Khu được thực hiện rất khẩn trương, nhưng vì phải tuyệt đối giữ bí mật, nên nhiều vấn đề cụ thể không được bàn. Theo quy định: Trung ương Cục biết trước ngày N, giờ G 10 ngày; Khu ủy biết trước 5 ngày; Tỉnh ủy biết trước 3 ngày; các đơn vị lữ đoàn, tiểu đoàn tiến công được phổ biến trước một hoặc hai ngày. Khu ủy đề ra mục tiêu chủ yếu là làm tê liệt quân đoàn 4, đánh chiếm trung tâm chỉ huy vùng 4 chiến thuật, đài phát thanh, sân bay Trà Nóc.

Phương châm, phương thức là tiến công tiêu diệt sinh lực quân đối phương bằng lực lượng quân sự kết hợp với quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Kết hợp

các lực lượng biệt động, đặc công và các đơn vị vũ trang tại chỗ với quân chủ lực Quân khu đánh vào, liên tục tiến công, liên tục phát triển giành thắng lợi này đến thắng lợi khác cho đến toàn thắng⁽³⁾. Để tấn công vào trọng điểm Thành phố Cần Thơ, Khu ủy chọn hướng Nam, Tây Nam làm hướng tấn công chủ yếu vì hướng này mới có đủ điều kiện triển khai tập kết lực lượng, làm bàn đạp tấn công mạnh, liên tục vào thành phố Cần Thơ và các mục tiêu trọng yếu của vùng 4 chiến thuật⁽⁴⁾.

Thứ hai, lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới

Tháng 4-1967, Khu ủy đã ra Nghị quyết xác định: “Phát động cao trào chính trị tiến công địch, lấy phong trào công nhân lao động làm cơ bản, ra sức tập hợp mặt trận đấu tranh cho các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ và độc lập dân tộc, có kết hợp vũ trang, phá kim kẹp, giành quyền làm chủ cho nhân dân; ra sức xây dựng, phát triển cơ sở Đảng, Đoàn và thực lực chính trị, vũ trang đều khắp, tranh thủ thời cơ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, đồng thời bảo toàn xây dựng lực lượng chuẩn bị cho phương hướng tổng công kích - tổng khởi nghĩa”⁽⁵⁾.

Quán triệt nghị quyết của Khu ủy Tây Nam Bộ về động viên toàn lực cho Tổng tiến công và nổi dậy, Tỉnh ủy các địa phương đã tổ chức học tập, quán triệt đường lối của Trung ương Đảng, Khu ủy tới từng đảng viên, quần chúng làm thông suốt tình hình, nhiệm vụ mới.

Ở Cần Thơ - trọng điểm 1, theo chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy cũng chủ trương sáp nhập 2 huyện Châu Thành A và Châu Thành B với 19 xã, trong đó có 6 xã bao trùm cả địa bàn Vòng Cung đủ sức chứa khoảng 16.000 quân, bao gồm: bộ đội chủ lực của Quân khu 9, bộ đội địa phương quân tỉnh, huyện, cán bộ và dân công hỏa tuyến⁽⁶⁾. Các chi bộ xã, các lực lượng quân sự, công an, binh vận và các đoàn thể cách mạng trong vùng trọng điểm được tăng cường, tổ chức học tập phát động quần chúng, phát động phong trào đấu tranh du kích, diệt ác phá kềm, gây cơ sở cách mạng trong nội ô thành phố.

Khu ủy cũng chỉ đạo Tỉnh ủy các địa phương đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, phục vụ yêu cầu phương châm đánh địch bằng “2 chân, 3 mũi”; kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công; xây dựng cơ sở tại chỗ, đặc biệt là vùng ven, thị xã, thị trấn. Cùng với đó, Quân khu tổ chức các tiểu đoàn, thành lập một lữ đoàn. Lữ đoàn có 5 tiểu đoàn: 307, 303, 309, Tiểu đoàn Tây Đô và Tiểu đoàn 231 pháo binh⁽⁷⁾.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy, cán bộ, chiến sĩ bám sát địa bàn chiến đấu. Chúng ta đưa thêm cán bộ có điều kiện ra vào thành phố và bám trụ trong nội thành, xây dựng lực lượng, chuẩn bị lực lượng chính trị, binh vận, quân sự tại chỗ. Ban cán sự các khu vực nội thành cũng được tăng cường để nắm tình hình, vẽ sơ đồ các căn cứ của đối phương, bố trí người liên lạc dẫn đường cho lực lượng từ bên ngoài vào đến các mục tiêu đã định.

Thứ ba, chỉ đạo công tác động viên tài lực, vật lực cho Tổng tiến công và nổi dậy ở chiến trường Tây Nam Bộ

Vào những tháng cuối năm 1967, công tác chuẩn bị hậu cần cho chiến dịch ngày càng gấp rút. Khu ủy chỉ đạo tất cả các ban, ngành, đoàn thể cùng nhân dân trong vùng nỗ lực hết sức mình cho sự nghiệp kháng chiến. Ngành kinh tài của các tỉnh, huyện tích cực thu lúa, chà gạo dự trữ và thành lập các tổ, đội tiếp tế cho lực lượng tấn công. Năm 1966, toàn Miền thu được 185.820 tấn thóc và sang năm 1967 thu được 230.600 tấn thóc⁽⁸⁾. Quân - dân - y phối hợp thành lập các nhóm y tế, đội phẫu thuật phục vụ tiền phương. Thông tin liên lạc gồm điện đài, giao liên được tổ chức chặt chẽ, sẵn sàng phục vụ chiến đấu.

Ngay trong đợt tiến công, các huyện, xã rút du kích xã, ấp, các ngành, các đoàn thể huyện rút cán bộ, nhân viên, lập những đơn vị mới cung cấp lên trên, vận động dân đi dân công hỏa tuyến, gia nhập tân binh và thu góp đảm phụ giải phóng. Các huyện phía sau tỉnh Cần Thơ trong đó nổi bật là tại lộ Vòng Cung liên tục đưa hàng ngàn tân binh, dân công hỏa tuyến phục vụ cho chiến đấu. Nhân dân

đóng 5.615.000 gạ lúa (112.300 tấn), tăng gấp 5-6 lần so với năm 1967. Số thanh niên tổng quân là 9.242 người.

Thực tế chiến đấu cho thấy, quân chúng đã dũng cảm tham gia dẫn đường, nuôi chứa bộ đội, chăm sóc thương binh, làm dân công hỏa tuyến dưới bom đạn của quân thù. Bộ đội lo chiến đấu, cơm nước do dân nuôi. Hàng chục ngàn quân chúng tràn vào thị trấn, thị tứ đòi trả chồng con bị bắt đi lính, khiến cho kẻ địch càng thêm bị động.

Thứ tư, chủ động lãnh đạo tiến công và nổi dậy tiêu diệt sinh lực địch tại chiến trường miền Tây

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, 3 giờ sáng ngày 31-1-1968 (tức Mùng 3 Tết), quân giải phóng đồng loạt nổ súng tiến công, mở đầu đợt 1 (từ 31-1 đến 25-2-1968) tại chiến trường miền Tây Nam Bộ. Quân dân Khu 9 chiến đấu vô cùng dũng cảm. Tại Cần Thơ, pháo của ta bắn vào Sở Chỉ huy vùng 4 chiến thuật và Quân đoàn Bốn, tiêu diệt đại đội biệt động thành phố, đơn vị cảnh sát ở Đâu Sáu. Tiểu đoàn 303 và đặc công đánh sân bay Lộ Tê. Tiểu đoàn 309 đánh chiếm cầu Tham Tướng và khu văn hóa, làm chủ trong 1 ngày, 2 đêm. Tiểu đoàn 307 cùng biệt động thành phố đánh Đài Phát thanh miền Tây, khu vực hậu cần và trung tâm nhập ngũ vùng 4 chiến thuật. Tiểu đoàn Tây Đô đánh lãnh sự quán và cơ quan tình báo Mỹ. Du kích nội thành phát truyền đơn, loan tin quân giải phóng đã về thành phố, kêu gọi quân chúng nổi dậy đánh vào các tụ điểm địch. Qua 4 ngày chiến đấu trong thành phố, ta diệt 51 địch, làm bị thương 225 tên, bắt sống 8 tên; bắn cháy 1 kho quân cụ ở sân bay 31, phá 5 máy bay, bắn cháy 2 xe M113⁽⁹⁾. Ở chiến trường Vĩnh Long - trọng điểm 2, ta loại khỏi vòng chiến đấu 5 tiểu đoàn trên 2.000 tên địch; đánh thiệt hại nặng Trung đoàn 15, Trung đoàn 16 và Trung đoàn 2 thiết giáp; phá nhiều đồn bót, giải phóng phần lớn vùng nông thôn, làm chủ 2 vùng ven thị xã Vĩnh Long và Sa Đéc; bao vây địch trong thị xã; cắt đường giao thông thủy, bộ của địch; làm chủ đoạn đường từ phà Mỹ Thuận đến phà Cần Thơ, từ Vĩnh Long đi Trà Vinh trong 20 ngày.

Tháng 2-1968, Khu ủy ra Nghị quyết *Kiên cường dũng cảm tiến lên dứt điểm từng phần, tiến tới dứt điểm toàn bộ đô thị miền Tây sớm nhất miền Nam và sẵn sàng chi viện cho dứt điểm miền Nam*, trong đó nhấn mạnh quyết tâm tiếp tục chiến đấu theo chủ trương chung của Trung ương Đảng, Trung ương Cục.

Đợt 2 của cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa kéo dài 42 ngày, từ ngày 5-5 đến ngày 16-6. Ở Cần Thơ, quân và dân chiến đấu tiêu diệt 316 địch, làm bị thương 464 tên, bắt sống 8 tên; phá 8 đồn trong lộ Vòng Cung, bắn cháy, bắn hỏng 6 tàu, phá hủy 2 pháo 105 ly, phá hủy hơn 18 trực thăng. Quân giải phóng cũng tiến công mạnh mẽ ở Vĩnh Long, Trà Vinh và nhiều nơi khác. Tại chiến trường Vĩnh Trà, ta loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn địch, gỡ 150 đồn, mở rộng vùng giải phóng nối liền từ Sa Đéc xuống Vĩnh Long, tới huyện Duyên Hải (Trà Vinh), tạo hành lang qua Bến Tre, xuống Cần Thơ, Sóc Trăng.

Tháng 7-1968, Khu ủy ra Nghị quyết đánh giá lại thắng lợi và hạn chế của hai đợt tiến công, chỉ rõ nguyên nhân và đề ra phương hướng, phương châm tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo: “nắm vững thời cơ, nắm vững quyết tâm, nắm vững nội dung tính chất giai đoạn để kiên định phương hướng chiến lược đi đến dứt điểm”⁽¹⁰⁾.

Chấp hành chủ trương của Bộ Chính trị, trong đợt 3 (từ ngày 17-8 đến ngày 30-9-1968), quân dân các tỉnh Tây Nam Bộ tiếp tục tổng công kích, tổng khởi nghĩa dù lực lượng bị sụt giảm nhiều. Để chuẩn bị cho đợt 3, Khu cũng như các tỉnh phải bổ sung quân số, vũ khí. 11 đại đội mới được các tỉnh thành lập thêm. Tính riêng trong đợt 3, quân dân Tây Nam Bộ đã tiến công 45 lần vào 9 thị xã và thành phố, trong đó có 19 lần bằng bộ binh, đánh 36 mục tiêu đầu não, 18 lần vào sân bay, phá 8 kho xăng, phá 2.041m đường, 16 cầu cống.

Nhìn lại cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Tây Nam Bộ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy có thể rút ra những kết quả đạt được và hạn chế:

Nhờ chủ trương sát hợp với tình hình thực tế, chủ động trong kế hoạch tác chiến, lực

lượng cách mạng Tây Nam Bộ đã có 108 lần đánh vào các cơ quan chỉ huy Vùng 4 chiến thuật ở thành phố Cần Thơ, tiến công 8 thị xã, 41 thị trấn, 9 sân bay cùng hàng chục căn cứ hải quân, pháo binh của đối phương. Ta đã giải phóng 2.200.000 dân. Dù hy sinh gian khổ, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ đều xông lên, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo tổng tiến công nổi dậy 1968 ở chiến trường Tây Nam Bộ, Khu ủy cũng có những mặt hạn chế: tại địa bàn Vĩnh Long - Trà Vinh có những kinh nghiệm chiến đấu tốt, kịp thời chuyển hướng về nông thôn sau đợt 1 nên đã giữ được vùng giải phóng và đảm bảo việc phát triển thực lực; nhưng Khu ủy đã không kịp thời áp dụng kinh nghiệm đó để chỉ đạo toàn Khu. Mặt khác, cán bộ qua thực tiễn chiến đấu từ các chiến trường đã phản ánh về khả năng khó đạt được yêu cầu tiến công thành thị trong đợt sau. Các ý kiến đó đã không được Khu ủy mạnh dạn báo cáo về Trung ương Cục để chỉ đạo kịp thời.

Chính những kinh nghiệm rút ra từ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Khu ủy đã trưởng thành hơn qua thực tiễn chiến đấu, chủ động tiến công, lãnh đạo giải phóng quê hương miền Tây cùng lúc với Sài Gòn và toàn miền Nam, góp phần vào thắng lợi chung trên cả nước tháng 4-1975 ■

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 29, tr.50 (Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 12 năm 1967 và Nghị quyết lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1 năm 1968 đều quyết định: Tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Từ đợt hai trở đi, có sửa lại là: Tổng tiến công và nổi dậy).

⁽²⁾ *Vòng Cung, Cần Thơ Xuân 1968*, Cần Thơ xuất bản năm 1992, tr.96.

^{(3), (7)} Bộ Tư lệnh Quân khu 9: *Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996, tr.419, 417

^{(4), (10)} Tài liệu Nghị quyết của Khu ủy Khu 3 (1968), Kho lưu trữ Thành ủy Cần Thơ

⁽⁵⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ (2006): *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ 1954-1975*, tr.164, 182

⁽⁶⁾ Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ 1954-1975*, Sđd, tr.182

⁽⁸⁾ Biên niên hoạt động tài chính của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.332

⁽⁹⁾ Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thống Tây Nam Bộ: *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945 - 1975) Sđd*, tr.563 - 564